TÒA ÁN NHÂN DÂN **THỊ XÃ Q** **TỈNH QUẢNG NINH**	**CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập - Tự do - Hạnh phúc**
Số: 184/2018/QĐST-HNGĐ	*Q, ngày 13 tháng 11 năm 2018*

QUYẾT ĐỊNH
CÔNG NHẬN THUẬN TÌNH LY HÔN VÀ SỰ THOẢ THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ

Căn cứ hồ sơ vụ án dân sự thụ lý số 228/2018/TLST-HNGĐ ngày 17 tháng 9 năm 2018 về việc *"Tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn"* giữa:

Nguyên đơn: Chị Vũ Thị T, sinh năm 1981;

Địa chỉ: Khu Th, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Bị đơn: Anh Bùi Duy Tr, sinh năm 1972;

Địa chỉ: Khu T, phường Đ, thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh.

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự;

Căn cứ vào các điều 55, 57, 81, 82 và 83 của Luật hôn nhân và gia đình;

Căn cứ vào biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 5 tháng 11 năm 2018.

XÉT THẤY:

Việc thuận tình ly hôn và thoả thuận của các đương sự được ghi trong biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành ngày 5 tháng 11 năm 2018 là hoàn toàn tự nguyện và không vi phạm điều cấm của luật, không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản ghi nhận sự tự nguyện ly hôn và hoà giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thoả thuận đó.

QUYẾT ĐỊNH:

1. Công nhận sự thuận tình ly hôn giữa chị Vũ Thị T và anh Bùi Duy Tr.

2. Công nhận sự thoả thuận của các đương sự cụ thể như sau:

2.1. Về tình cảm: Chị Vũ Thị T và anh Bùi Duy Tr thuận tình ly hôn.

2.2. Về con chung: Chị Vũ Thị T và anh Bùi Duy Tr có 02 con chung là cháu Bùi Thị Tường V, sinh ngày 01 - 11 - 2006 và cháu Bùi Duy V, sinh ngày 4 - 9 - 2009. Ly hôn, chị T và anh Tr thống nhất giao cho anh Tr trực tiếp trông nom, chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục 02 con chung là Bùi Thị Tường V, sinh ngày 01 - 11 - 2006 và Bùi Duy V, sinh ngày 4 - 9 - 2009 đến khi con chung thành niên. Chị T không phải cấp dưỡng nuôi con chung nhưng có quyền, nghĩa vụ thăm nom,

chăm sóc, nuôi dưỡng, giáo dục con chung mà không ai được cản trở.

2.3. Về tài sản chung, công nợ: Chị Vũ Thị T và anh Bùi Duy Tr đều thống nhất vợ chồng không có tài sản chung, không có nợ chung nên không yêu cầu Tòa án giải quyết.

2.4. Về án phí dân sự sơ thẩm: Căn cứ khoản 4 Điều 147 của Bộ luật tố tụng dân sự; khoản 7 Điều 26 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Toà án: Chị Vũ Thị T tự nguyện nộp toàn bộ án phí dân sự sơ thẩm là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*. Nhưng được trừ vào số tiền tạm ứng án phí sơ thẩm chị T đã nộp là 300.000 đồng *(Ba trăm nghìn đồng)* theo biên lai thu số 0003073 ngày 17 tháng 9 năm 2018 của Chi cục Thi hành án dân sự thị xã Q, tỉnh Quảng Ninh, chị Vũ Thị T được hoàn trả lại số tiền chênh lệch là 150.000 đồng *(Một trăm năm mươi nghìn đồng)*.

3. Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi được ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- VKSND TX Q;
- Chi cục THADS TX Q;
- UBND phường Đ;
- Lưu hồ sơ vụ án.

THẨM PHÁN

Bùi Thị Tố Nga